



## Flashcardo.com

Vi håber, at disse printbare flashcards vil være nyttige for dig. For at finde endnu flere flashcard-produkter, gå til vores hjemmeside [www.flashcardo.com/da](http://www.flashcardo.com/da). På Flashcardo.com tilbyder vi online flashcards, flashcards med gentagelser i intervaller, video-flashcards og meget mere. Alt sammen gratis og klar til brug for elever over hele verden.

## Ophavsret, licensnoter

Denne PDF er beskyttet af ophavsretsloven, og alle rettigheder er forbeholdt. Du er fri til at dele denne PDF med hvem som helst. Du må dog ikke sælge denne PDF eller dens indhold. Hvis du har spørgsmål, gå venligst til [www.flashcardo.com/da](http://www.flashcardo.com/da) for at komme i kontakt med os. Tak!

## Ansvarsfraskrivelse

DENNE PDF LEVERES "SOM DEN ER", UDEN GARANTI AF NOGEN ART, UDTRYKKELIG ELLER UNDERFORSTÅET, HERUNDER MEN IKKE BEGRÆNSET TIL GARANTIER OM SALGBARHED, EGNETHED TIL ET BESTEMT FORMÅL OG IKKE-KRÆNKELSE. UNDER INGEN OMSTÆNDIGHEDER KAN FORFATTERNE ELLER OPHAVSRETSINDEHAVERNE HOLDES ANSVARLIGE FOR NOGEN KRAV, SKADER ELLER ANDEN ANSVARLIGHED, UANSET OM DETTE SKYLDES KONTRAKT, ERSTATNINGSANSVAR ELLER ANDET, SOM OPSTÅR FRA, UDE FRA ELLER I FORBINDELSE MED PDF'EN ELLER BRUGEN ELLER ANDRE FORHOLD VEDRØRENDE PDF'EN.

Ophavsret © 2025 Flashcardo.com. Alle rettigheder forbeholdes

## Basis

jeg

du

han

tôi

bạn

anh ấy

hun

det  
pronomen

vi

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

I

de

hvad

các bạn

hø

cái gì

hvem

hvor

hvorfor

ai

ở đâu

tại sao

hvordan

---

làm sao

hvilken

---

cái nào

hvornår

---

lúc nào

så

---

sau đó

hvis

---

nếu

virkelig

---

thật sự

men

---

nhưng

fordi

---

bởi vì

ikke

---

không

dette

---

này

det  
dette

---

đó

alle  
almen

---

tất cả

eller

\_\_\_\_\_

hoặc

og

\_\_\_\_\_

và

her

\_\_\_\_\_

đây

der

\_\_\_\_\_

đó

venstre

\_\_\_\_\_

trái

højre

\_\_\_\_\_

phải

nu

\_\_\_\_\_

bây giờ

eftermiddag

\_\_\_\_\_

buổi chiều

formiddag

\_\_\_\_\_

buổi sáng

nat

\_\_\_\_\_

ban đêm

morgen

\_\_\_\_\_

buổi sáng

aften

\_\_\_\_\_

buổi tối

middag

midnat

time

\_\_\_\_\_

buổi trưa

\_\_\_\_\_

nửa đêm

\_\_\_\_\_

giờ

minut

sekund

dag

\_\_\_\_\_

phút

\_\_\_\_\_

giây

\_\_\_\_\_

ngày

uge

måned

år

\_\_\_\_\_

tuần

\_\_\_\_\_

tháng

\_\_\_\_\_

năm

i går

i dag

i morgen

\_\_\_\_\_

hôm qua

\_\_\_\_\_

hôm nay

\_\_\_\_\_

ngày mai

mandag

tirsdag

onsdag

thứ hai

thứ ba

thứ tư

torsdag

fredag

lørdag

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

søndag

kvinde

mand  
almen

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

kærlighed

kæreste  
mandlig

kæreste  
kvindelig

tình yêu

bạn trai

bạn gái

ven

bạn

kys

hôn

sex

tình dục

barn

trẻ em

pige

con gái

dreng

con trai

mor

mẹ

far

ba

moder

má

fader

cha

forældre

cha mẹ

søn

con trai

datter

con gái

lillesøster

em gái

lillebror

em trai

storesøster

chị gái

storebror

anh trai

mand  
husbond

chồng

kone

vợ

hver

mỗi / mọi

altid

luôn luôn

faktisk

thực ra

igen

lần nữa

allerede

đã

mindre

ít hơn

mest

phần lớn

mere

nhiều hơn

ingen

không có

meget

rất

ude

ở ngoài

inde

ở trong

fjern

xa

nær

gần

under

bên dưới

over

bên trên

ved siden af

bên cạnh

frem

phía trước

bagved

phía sau

alle  
personer

mọi người

sammen

cùng nhau

andre

khác

forår

mùa xuân

sommer

mùa hè

efterår

mùa thu

vinter

mùa đông

januar

tháng một

februar

tháng hai

marts

tháng ba

april

---

tháng tư

maj

---

tháng năm

juni

---

tháng sáu

juli

---

tháng bảy

august

---

tháng tám

september

---

tháng chín

oktober

---

tháng mười

november

---

tháng mười một

december

---

tháng mười hai

nord

---

bắc

øst

---

đông

syd

---

nam

vest

tit

straks

tây

thường xuyên

ngay lập tức

pludselig

selvom

đột ngột

mặc dù

Tal

0

---

không

1

---

một

2

---

hai

3

---

ba

4

---

bốn

5

---

năm

6

---

sáu

7

---

bảy

8

---

tám

9

---

chín

10

---

mười

11

---

mười một

12

---

mười hai

13

---

mười ba

14

---

mười bốn

15

---

mười năm

16

---

mười sáu

17

---

mười bảy

18

---

mười tám

19

---

mười chín

20

---

hai mươi

21

---

hai mươi một

22

---

hai mươi hai

26

---

hai mươi sáu

30

---

ba mươi

31

---

ba mươi mốt

33

---

ba mươi ba

37

---

ba mươi bảy

40

---

bốn mươi

41

---

bốn mươi mốt

44

---

bốn mươi bốn

48

---

bốn mươi tám

50

---

năm mươi

51

---

năm mươi mốt

55

---

năm mươi lăm

59

---

năm mươi chín

60

---

sáu mươi

61

---

sáu mươi mốt

62

---

sáu mươi hai

66

---

sáu mươi sáu

70

---

bảy mươi

71

---

bảy mươi mốt

73

---

bảy mươi ba

77

---

bảy mươi bảy

80

---

tám mươi

81

---

tám mươi mốt

84

---

tám mươi bốn

88

---

tám mươi tám

90

---

chín mươi

91

---

chín mươi mốt

95

---

chín mươi lăm

99

---

chín mươi chín

100

---

một trăm

101

---

một trăm linh một

105

---

một trăm linh năm

110

---

một trăm mười

151

---

một trăm năm mươi mốt

200

---

hai trăm

202

---

hai trăm linh hai

206

---

hai trăm linh sáu

220

---

hai trăm hai mươi

262

---

hai trăm sáu mươi hai

300

---

ba trăm

303

---

ba trăm linh ba

307

---

ba trăm linh bảy

330

---

ba trăm ba mươi

373

---

ba trăm bảy mươi ba

400

---

bốn trăm

404

---

bốn trăm linh bốn

408

---

bốn trăm linh tám

440

---

bốn trăm bốn mươi

484

---

bốn trăm tám mươi bốn

500

năm trăm

505

năm trăm linh năm

509

năm trăm linh chín

550

năm trăm năm mươi

595

năm trăm chín mươi lăm

600

sáu trăm

601

sáu trăm linh một

606

sáu trăm linh sáu

616

sáu trăm mười sáu

660

sáu trăm sáu mươi

700

bảy trăm

702

bảy trăm linh hai

707

---

bảy trăm linh bảy

727

---

bảy trăm hai mươi bảy

770

---

bảy trăm bảy mươi

800

---

tám trăm

803

---

tám trăm linh ba

808

---

tám trăm linh tám

838

---

tám trăm ba mươi tám

880

---

tám trăm tám mươi

900

---

chín trăm

904

---

chín trăm linh bốn

909

---

chín trăm linh chín

949

---

chín trăm bốn mươi chín

990

---

chín trăm chín mươi

1000

---

một nghìn

1001

---

một nghìn không trăm linh  
một

1012

---

một nghìn không trăm mười  
hai

1234

---

một nghìn hai trăm ba mươi  
bốn

2000

---

hai nghìn

2002

---

hai nghìn không trăm linh hai

2023

---

hai nghìn không trăm hai  
mười ba

2345

---

hai nghìn ba trăm bốn mươi  
lăm

3000

---

ba nghìn

3003

---

ba nghìn không trăm linh ba

4000

---

bốn nghìn

4045

---

bốn nghìn không trăm bốn  
mười lăm

5000

---

năm nghìn

5678

---

năm nghìn sáu trăm bảy  
mười tám

6000

---

sáu nghìn

7000

---

bảy nghìn

7890

---

bảy nghìn tám trăm chín  
mười

8000

---

tám nghìn

8901

---

tám nghìn chín trăm linh một

9000

---

chín nghìn

9090

---

chín nghìn không trăm chín  
mười

10.000

---

mười nghìn

10.001

---

mười nghìn không trăm linh  
một

20.020

---

hai mươi nghìn không trăm  
hai mươi

30.300

---

ba mươi nghìn ba trăm

44.000

---

bốn mươi bốn nghìn

100.000

---

một trăm nghìn

500.000

---

năm trăm nghìn

1.000.000

---

một triệu

6.000.000

---

sáu triệu

10.000.000

---

mười triệu

70.000.000

---

bảy mươi triệu

100.000.000

---

một trăm triệu

800.000.000

---

tám trăm triệu

1.000.000.000

---

một tỷ

9.000.000.000

---

chín tỷ

10.000.000.000

---

mười tỷ

20.000.000.000

---

hai mươi tỷ

100.000.000.000

---

một trăm tỷ

300.000.000.000

---

ba trăm tỷ

1.000.000.000.000

---

một nghìn tỷ

Udsagnsord

at vide

biết

at tænke

nghĩ

at komme

đến

at sætte

đặt

at tage

lấy

at finde

tìm

at lytte

nghe

at arbejde

làm việc

at tale

nói chuyện

at give  
almen

cho

at kunne lide

thích

at hjælpe

giúp đỡ

at elske

---

yêu

at ringe

---

gọi

at vente

---

chờ đợi

at stå

---

đứng

at sidde

---

ngồi

at lukke

---

đóng

at åbne  
dør

---

mở

at tabe

---

thua

at vinde

---

thắng

at dø

---

chết

at leve

---

sống

at tænde

---

bật

at slukke

---

tắt

at dræbe

---

giết

at skade

---

làm bị thương

at røre

---

chạm

at se

---

xem

at drikke

---

uống

at spise

---

ăn

at gå

---

đi bộ

at møde

---

gặp

at vædde

---

đặt cược

at kysse

---

hôn

at følge

---

đi theo

at gifte sig

---

cưới

at svare

---

trả lời

at spørge

---

hỏi

at trække  
dør

---

kéo

at skubbe  
dør

---

đẩy

at presse

---

ấn

at slå

---

đánh

at fange

---

bắt

at kæmpe

---

chiến đấu

at kaste

---

ném

at løbe

---

chạy

at læse

---

đọc

at skrive

---

viết

at reparere

---

sửa chữa

at tælle

---

đếm

at klippe

---

cắt

at sælge

---

bán

at købe

---

mua

at betale

---

trả

at studere

---

học

at drømme

---

mơ

at sove

---

ngủ

at lege

---

chơi

at fejre

---

ăn mừng

at nyde

thưởng thức

at rengøre

dọn dẹp

at skyde

bắn

at forsvare

bảo vệ

at angribe

tấn công

at stjæle

trộm

at brænde

đốt

at redde

cứu

at flyve

bay

at spytte

khạc nhổ

at sparke

đá

at bide

cắn

at ånde

---

thở

at lugte

---

ngửi

at græde

---

khóc

at synge

---

hát

at smile

---

cười mỉm

at grine

---

cười

at vokse

---

lớn lên

at krympe

---

co lại

at skændes

---

tranh luận

at dele

---

chia sẻ

at fodre

---

cho ăn

at gemme  
skjule

---

trốn

at advare

cảnh báo

at svømme

bơi

at hoppe

nhảy

at løfte

nâng

at grave

đào

at levere

giao hàng

at lede efter

tìm kiếm

at øve

luyện tập

at rejse

đi du lịch

at male

vẽ

at åbne  
lås

mở

at låse

khóa

at vaske

---

rửa

at bede

---

cầu nguyện

at lave mad

---

nấu ăn

at kaste op

---

nôn

at råde

---

la hét

at citere

---

trích dẫn

at udskrive

---

in

at beregne

---

tính toán

at tjene

---

kiếm tiền

## Tillægsord

ny

---

mới

gammel  
almen

---

cũ

få

---

ít

mange

---

nhiều

forkert

---

sai

korrekt

---

chính xác

dårlig

---

xấu

god

---

tốt

lykkelig

---

hạnh phúc

kort  
adjektiv

---

ngắn

lang

---

dài

lille  
almen

---

nhỏ

stor

lớn

smuk

xinh đẹp

ung

trẻ

gammel  
person

già

hvid

màu trắng

sort

màu đen

rød

màu đỏ

blå

màu xanh da trời

grøn

màu xanh lá cây

gul

màu vàng

langsom

chậm

hurtig

nhanh

sjov

---

vui vẻ

uretfærdig

---

không công bằng

retfærdig

---

công bằng

vanskelig

---

khó

let  
almen

---

dễ

rig

---

giàu

fattig

---

nghèo

stærk  
person

---

khỏe

svag

---

yếu

sikker

---

an toàn

træt

---

mệt mỏi

stolt

---

tự hào

mæt

no bụng

syg

bệnh

sund

khỏe mạnh

vred

tức giận

lav  
diagram

thấp

høj  
almen

cao

sød  
mad

ngọt

sur

chua

blød

mềm

hård

cứng

sød  
person

đáng yêu

dum

ngu ngốc

skør

điên khùng

travl

bận rộn

høj  
person

cao

lille  
person

thấp

bekymret

lo lắng

overrasket

ngạc nhiên

velopdragen

cư xử tốt

ond

ác độc

klog

khéo léo

kold

lạnh

hed

nóng

orange

màu cam

grå

màu xám

brun

màu nâu

lyserød

màu hồng

kedelig

nhàm chán

tung

nặng

let  
vægt

nhẹ

ensom

cô đơn

sulten

đói bụng

tørstig

khát nước

trist

buồn

stejl

đốc

flad

bằng phẳng

smal

---

hẹp

bred

---

rộng

dyb

---

sâu

lav

vand

---

nông

kæmpe

---

lớn

beskidt

---

bẩn

ren

---

sạch sẽ

fuld  
almen

---

đầy

tom

---

trống rỗng

dyr  
adjektiv

---

đắt

billig

---

rẻ

sexet

---

quýnh rử

doven

lười biếng

modig

dũng cảm

gavmild

hào phóng

våd

ướt

tør

khô

højt

ồn ào

stille

yên tĩnh

solrig

nắng

regnfuld

nhiều mưa

tåget

sương mù

overskyet

nhiều mây

## Sport

gymnastik

---

thể dục dụng cụ

tennis

---

quần vợt

løb

---

chạy

cykling

---

đạp xe

golf

---

đánh golf

fodbold

---

bóng đá

basketball

---

bóng rổ

svømning

---

bơi lội

dykning

---

lặn

vandreture

---

đi bộ đường dài

maratonløb

---

chạy marathon

triathlon

---

ba môn phối hợp

bordtennis

---

bóng bàn

vægtløftning

---

cử tạ

boksning

---

quyền anh

badminton

---

cầu lông

kunstskejteløb

---

trượt băng nghệ thuật

snowboarding

---

trượt ván tuyết

skiløb

---

trượt tuyết

langrend

---

trượt tuyết băng đồng

ishockey

---

khúc côn cầu trên băng

volleyball

---

bóng chuyền

håndbold

---

bóng ném

beach volleyball

---

bóng chuyền bãi biển

rugby

bóng rugby

cricket

bóng gậy

baseball

bóng chày

amerikansk fodbold

bóng bầu dục Mỹ

vandpolo

bóng nước

udspring

nhảy cầu

surfing

lướt sóng

sejls

đua thuyền buồm

roning

chèo thuyền

yoga

yoga

dans

khiêu vũ

faldskærmsudspring

nhảy dù

skak

---

cờ vua

poker

---

đánh bài poker

bowling

---

bowling

ballet

---

múa ba lê

Dyr

gris

con lợn

ko

con bò

hest

con ngựa

hund

con chó

får

con cừu

abe

con khỉ

kat

con mèo

bjørn

con gấu

kylling

con gà

and

con vịt

sommerfugl

con bướm

bi

con ong

fisk  
dyr

con cá

edderkop

con nhện

slange

con rắn

tiger

con hổ

mus  
dyr

con chuột

kanin

con thỏ

løve

con sư tử

æsel

con lừa

elefant

con voi

due

con chim bồ câu

bille

con bọ

myg

con muỗi

flue

con ruồi

myre

con kiến

hval

con cá voi

haj

con cá mập

delfin

con cá heo

snegl

con ốc sên

frø  
dyr

con ếch

panda

con gấu trúc

isbjørn

con gấu Bắc cực

ulv

con chó sói

koala

con gấu túi

kænguru

con chuột túi

giraf

con hươu cao cổ

ræv

con cáo

flodhest

con hà mã

flagermus

con dơi

ravn

con quạ

svane

con thiên nga

måge

con chim hải âu

ugle

con cú

pingvin

con chim cánh cụt

papegøje

con vẹt

larve

con sâu bướm

guldsmed

con chuồn chuồn

blæksprutte  
tiarmet

---

con mực ống

blæksprutte  
ottearmet

---

con bạch tuộc

søhest

---

con cá ngựa

sæl

---

con hải cẩu

vandmand

---

con sứa

krabbe

---

con cua

dinosaur

---

con khủng long

skildpadde  
almen

---

con rùa cạn

krokodille

---

con cá sấu

Lande

Europa

---

Châu Âu

Asien

---

Châu Á

Amerika

---

Châu Mỹ

Afrika

---

Châu Phi

Storbritannien

---

Vương quốc Anh

Spanien

---

Tây Ban Nha

Schweiz

---

Thụy sĩ

Italien

---

Ý

Frankrig

---

Pháp

Tyskland

---

Đức

Thailand

---

Thái Lan

Singapore

---

Singapore

Rusland

Japan

Israel

Nga

Nhật Bản

Israel

Indien

Kina

Amerikas Forenede Stater

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Mexico

Canada

Chile

Brasilien

Argentina

Sydafrika

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Marokko

Libyen

---

Nigeria

---

Ma Rocc

---

Libya

Kenya

Algeriet

Egypten

---

Kenya

---

Algeria

---

Ai Cậ

New Zealand

Australien

---

New Zealand

---

Úc

Krop

hoved

đầu

næse

mũi

hår

tóc

mund

miệng

øre

tai

øje

mắt

hånd

bàn tay

fod

bàn chân

hjerte

tim

hjerne

não

hals

cổ

bagdel

mông

skulder

\_\_\_\_\_

vai

knæ

\_\_\_\_\_

đầu gối

ben

\_\_\_\_\_

chân

arm

\_\_\_\_\_

tay

mave

\_\_\_\_\_

bụng

barm

\_\_\_\_\_

ngực

ryg

\_\_\_\_\_

lưng

tand

\_\_\_\_\_

răng

tunge

\_\_\_\_\_

lưỡi

læbe

\_\_\_\_\_

môi

finger

\_\_\_\_\_

ngón tay

tå

\_\_\_\_\_

ngón chân

mavesæk

dạ dày

lunge

phổi

lever

gan

nerve

dây thần kinh

nyre

thận

tarm

ruột

pande  
krop

trán

hage

cằm

kind

má

skæg

râu

tommelfinger

ngón cái

lillefinger

ngón tay út

ringfinger

ngón tay đeo nhẫn

langefinger

ngón tay giữa

pegefinger

ngón tay trỏ

fingernegl

móng tay

hæl

gót chân

rygrad

xương sống

muskel

cơ bắp

knogle  
krop

xương

skelet

bộ xương

ribben

xương sườn

ryghvirvel

đốt sống

blære

bàng quang

vene

---

tĩnh mạch

pulsåre

---

động mạch

vagina

---

âm đạo

sperma

---

tinh trùng

penis

---

dương vật

testikel

---

tinh hoàn

Hus

dør

cửa

køkken

nhà bếp

badeværelse

phòng tắm

stue

phòng khách

soveværelse

phòng ngủ

have

vườn

garage

gara

væg

tường

kælder

tầng hầm

toilet  
bygning

nhà vệ sinh

trappe

cầu thang

tag

mái nhà

vindue  
bygning

cửa sổ

kniv

dao

kop

tách

glas

ly

tallerken

đĩa

bæger

cốc

skraldespand

thùng rác

skål  
køkken

tô

skrivebord

bàn

seng

giường

spejl

gương

bruser

vòi hoa sen

sofa

ghế xô pha

billede

ảnh

ur

đồng hồ

bord

bàn

stol

ghế

nabo

hàng xóm

elevator

thang máy

altan

ban công

loftsrum

gác xép

skorsten

ống khói

træske

muỗng gỗ

spisepind

đũa

bestik

bộ dao nĩa

ske

muỗng

gaffel

nĩa

slev

cái vá

gryde

nồi

pande  
køkken

chảo

lyspære

bóng đèn

bogreol

giá sách

gardin

rèm

madras

nệm

pude

gối

tæppe  
seng

chăn

hylde

kệ

skuffe

ngăn kéo

garderobe

tủ quần áo

spand

xô

kost

chổi

badevægt

cái cân

vasketøjskurv

giỏ đựng đồ giặt

badekar

bồn tắm

badehåndklæde

khăn tắm

sæbe

xà phòng

toiletpapir

giấy vệ sinh

håndklæde

khăn tắm

håndvask

stige

postkasse

---

bồn rửa mặt

---

cái thang

---

hộp thư

hegn

---

hàng rào

Mad

æg

trứng

ost

phô mai

mælk

sữa

fisk  
mad

cá

kød

thịt

knogle  
mad

xương

olie

dầu

brød

bánh mì

sukker

đường

chokolade

sô cô la

slik

kẹo

kage

bánh bông lan

vand

nước

kaffe

cà phê

te

trà

øl

bia

vin

rượu nho

salat  
måltid

sa lát

suppe

súp

dessert

món tráng miệng

morgenmad

bữa ăn sáng

frokost

bữa trưa

aftensmad

bữa tối

pizza

pizza

flødeis

---

kem

smør

---

bơ

yoghurt

---

sữa chua

tunfisk

---

cá ngừ

laks

---

cá hồi

skinke

---

giăm bông

bacon

---

thịt ba rọi

pølse

---

xúc xích

kalkunkød

---

thịt gà tây

kyllingekød

---

thịt gà

oksekød

---

thịt bò

svinekød

---

thịt heo

lammekød

thịt cừu

græskar

bí ngô

champignon

nấm

trøffel

nấm cục

hvidløg

tỏi

porre

tỏi tây

ingefær

gừng

aubergine

cà tím

sød kartoffel

khoai lang

gulerod

cà rốt

agurk

dưa chuột

chili

ớt

rød peber

løg

kartoffel

ớt chuông

củ hành

khoai tây

blomkål

kål

broccoli

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

salat  
grøntsag

spinat

bambus  
mad

xà lách

rau chân vịt

tre

majs

selleri

ært

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

bønne

hạt đậu

pære

quả lê

æble

quả táo

oliven

quả ô liu

figen

quả sung

daddel

quả chà là

kokosnød

quả dừa

mandel

quả hạnh nhân

hasselnød

hạt phỉ

jordnød

đậu phộng

banan

quả chuối

mango

quả xoài

kiwi

---

quả kiwi

avocado

---

quả bơ

ananas

---

quả dứa

vandmelon

---

dưa hấu

vindrue

---

quả nho

honneingmelon

---

dưa gang

hindebær

---

quả mâm xôi

blåbær

---

quả việt quất

jordebær

---

quả dâu tây

kirsebær

---

quả anh đào

blomme

---

quả mận

abrikos

---

quả mơ

fersken

quả đào

citron

quả chanh

grapefrugt

quả bưởi

appelsin

quả cam

tomat

cà chua

mynte

bạc hà

citrongræs

sả

kanel

quế

vanilje

vani

salt  
mad

muối

peber

tiêu

karry

cà ri

tobak

---

thuốc lá

tofu

---

đậu hũ

eddiike

---

giấm

nudel

---

mì sợi

sojamælk

---

sữa đậu nành

mel

---

bột mì

ris

---

gạo

havre

---

yến mạch

hvede

---

lúa mì

soja

---

đậu nành

nød

---

hạt

honning

---

mật ong

marmelade

---

mứt

tyggegummi

---

kẹo cao su

pandekage

---

bánh kẹp

småkage

---

bánh quy

budding

---

bánh pudding

muffin

---

bánh muffin

donut

---

bánh rán vòng

energidrik

---

nước tăng lực

appelsinjuice

---

nước cam

æblejuice

---

nước táo

milkshake

---

sữa lắc

cola

---

coca cola

varm chokolade

sô cô la nóng

cocktail

rượu cocktail

rom

rượu rum

whisky

rượu whisky

vodka

rượu vodka

menukort

thực đơn

fisk og skaldyr

hải sản

spaghetti

mì Ý

sushi

sushi

popcorn

bắp rang bơ

chips

khoai tây lát mỏng

kyllingevinger

cánh gà

pomfritter

---

khoai tây chiên

sennep

---

mù tạt

mayonnaise

---

sốt mayonnaise

ketchup

---

nước sốt cà chua

sandwich

---

bánh mì kẹp

hotdog

---

bánh mì kẹp xúc xích

burger

---

bánh burger

Skole

bog

---

sách

bibliotek

---

thư viện

lektie

---

bài tập về nhà

eksamen

---

bài thi

lektion

---

bài học

videnskab

---

khoa học

historie

---

lịch sử

kunst

---

nghệ thuật

pen

---

cây bút

blyant

---

bút chì

første

---

thứ nhất

anden

---

thứ hai

tredje

---

thứ ba

fjerde

---

thứ tư

forskning

---

nghiên cứu

grad

---

bằng cấp

sportsplads

---

sân thể thao

ordbog

---

từ điển

semester

---

học kì

notesbog

---

sổ tay

geometri

---

hình học

politik

---

chính trị học

filosofi

---

triết học

økonomi

---

kinh tế học

idræt

---

giáo dục thể chất

biologi

---

sinh học

matematik

---

toán học

geografi

---

địa lý

litteratur

---

văn học

kemi

---

hóa học

fysik

---

vật lý

lineal

---

cái thước

viskelæder

---

cục tẩy

saks

---

cái kéo

klisterbånd

---

băng dính

lim

---

keo dán

kuglepen

bút bi

klips

kẹp giấy

3%

ba phần trăm

100%

một trăm phần trăm

0%

không phần trăm

kubikmeter

mét khối

kvadratmeter

mét vuông

mil

dặm

meter

mét

millimeter

mi-li-mét

centimeter

xen-ti-mét

decimeter

đề-xi-mét

addition

---

phép cộng

subtraktion

---

phép trừ

multiplikation

---

phép nhân

division

---

phép chia

areal

---

diện tích

volumen

---

thể tích

rektangel

---

hình chữ nhật

firkant

---

hình vuông

trekant

---

tam giác

cirkel

---

hình tròn

liter

---

lít

milliliter

---

mililít

ton

kilogram

gram

tấn

kilôgam

gram

magnet

mikroskop

tragt

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

laboratorium

foredrag

phòng thí nghiệm

bài giảng

Natur

aske

---

tro

ild

---

lửa

diamant

---

kim cương

måne

---

mặt trăng

sol

---

mặt trời

stjerne

---

ngôi sao

planet

---

hành tinh

kyst  
hav

---

bờ biển

sø

---

hồ

skov

---

rừng

ørken

---

sa mạc

bakke

---

đồi núi

sten

đá

flod

con sông

dal

thung lũng

bjerg

núi

ø

đảo

ocean

đại dương

hav

biển

is

băng

sne

tuyết

storm

bão táp

regn

mưa

vind

gió

træ

cây

græs

cỏ

rose

hoa hồng

blomst  
almen

hoa

metal

kim loại

jord

đất

lava

dung nham

kul

than

sand

cát

ler

đất sét

raket

tên lửa

satellit

vệ tinh

galakse

\_\_\_\_\_

thiên hà

asteroide

\_\_\_\_\_

tiểu hành tinh

kontinent

\_\_\_\_\_

lục địa

ækvator

\_\_\_\_\_

đường Xích đạo

Sydpolen

\_\_\_\_\_

Nam cực

Nordpolen

\_\_\_\_\_

Bắc cực

vandløb

\_\_\_\_\_

suối

regnskov

\_\_\_\_\_

rừng nhiệt đới

hule

\_\_\_\_\_

hang

vandfald

\_\_\_\_\_

thác nước

kyst  
flod

\_\_\_\_\_

bờ biển

gletsjer

\_\_\_\_\_

sông băng

jordskælv

---

động đất

krater

---

miệng núi lửa

vulkan

---

núi lửa

atmosfære

---

khí quyển

oversvømmelse

---

lũ lụt

tåge

---

sương mù

regnbue

---

cầu vồng

torden

---

tiếng sấm

lyn

---

tia chớp

tordenvej

---

cơn dông

temperatur

---

nhệt độ

tyfon

---

bão nhiệt đới

orkan

sky

gren

bão

mây

cành cây

blad  
træ

rod

stamme

lá cây

rễ cây

thân cây

frø  
plante

plast

carbondioxid

hạt giống

nhựa

cacbon điôxít

atom

jern

ilt

nguyên tử

sắt

ôxy

guld

sølv

vàng

bạc

## Transport

bil

xe hơi

bus

xe buýt

tog

xe lửa

togstation

ga xe lửa

busstoppested

trạm dừng xe buýt

fly

máy bay

skib

tàu

lastbil

xe tải

cykel

xe đạp

motorcykel

xe mô tô

taxa

xe taxi

trafiklys

đèn giao thông

parkeringsplads

---

bãi đậu xe

vej

---

đường

batteri

---

ắc quy

motor

bil

---

động cơ

airbag

---

túi khí

rat

---

vô-lăng

sikkerhedssele

---

dây an toàn

dæk

---

lốp xe

bagagerum

---

cốp sau

billetautomat

---

máy bán vé

billetkontor

---

phòng bán vé

undergrundsbane

---

tàu điện ngầm

højhastighedstog

---

tàu cao tốc

lokomotiv

---

đầu máy

sporvogn

---

xe điện

skolebus

---

xe buýt trường học

minibus

---

xe buýt nhỏ

lufthavn

---

sân bay

flyselskab

---

hãng hàng không

helikopter

---

máy bay trực thăng

første klasse

---

hạng nhất

økonomiklasse

---

hạng phổ thông

business class

---

hạng thương gia

redningsvest

---

áo phao

container

công ten nơ

ubåd

tàu ngầm

krydstogtskib

tàu du lịch

containerskib

tàu chở hàng

yacht

du thuyền

færge

phà

havn

hải cảng

redningsbåd

xuồng cứu sinh

radar

ra đa

gadelampe

đèn đường

fortov

vĩa hè

tankstation

trạm xăng

byggeplads

\_\_\_\_\_

công trường

fodgængerfelt

\_\_\_\_\_

vạch qua đường

trafikprop

\_\_\_\_\_

tắc đường

motorvej

\_\_\_\_\_

đường cao tốc

tank

\_\_\_\_\_

xe tăng

gravemaskine

\_\_\_\_\_

máy xúc

traktor

\_\_\_\_\_

máy kéo

anhænger

\_\_\_\_\_

rơ-moóc

scooter

\_\_\_\_\_

xe tay ga

svævebane

\_\_\_\_\_

xe cáp treo

By

hospital

bệnh viện

skole

trường học

hus

nhà ở

regning

hóa đơn

marked

chợ

supermarked

siêu thị

lejlighed

căn hộ

universitet

trường đại học

gård

nông trại

kirke

nhà thờ

restaurant

nhà hàng

bar

quán bar

fitnesscenter

phòng thể dục

park

công viên

toilet  
offentlig

nhà vệ sinh

kort  
landkort

bản đồ

ambulance

xe cứu thương

politi

cảnh sát

brandvæsen

lính cứu hỏa

land

quốc gia

forstad

ngoại ô

landsby

ngôi làng

garanti

bảo hành

indkøbscenter

trung tâm mua sắm

apotek

---

tiệm thuốc

skyskraber

---

tòa nhà chọc trời

slot

---

lâu đài

ambassade

---

đại sứ quán

synagoge

---

giáo đường Do Thái

tempel

---

ngôi đền

fabrik

---

nhà máy

moske

---

nhà thờ Hồi giáo

rådhus

---

tòa thị chính

postkontor

---

bưu điện

springvand

---

đài phun nước

natklub

---

câu lạc bộ đêm

bænk

băng ghế

golfbane

sân golf

fodboldstadion

sân bóng đá

svømmehal

hồ bơi

tennisbane

sân quần vợt

turistinformation

thông tin du lịch

kasino

sòng bạc

kunstgalleri

phòng triển lãm nghệ thuật

museum

bảo tàng

nationalpark

công viên quốc gia

souvenir

quà lưu niệm

akvarium

thủy cung

vandrutsjebane

---

trượt nước

rutsjebane  
temapark

---

tàu lượn siêu tốc

vandland

---

công viên nước

zoo

---

vườn bách thú

legeplads

---

sân chơi

nøddugang  
bygning

---

cửa thoát hiểm

brandalarm

---

chuông báo cháy

brandslukker

---

bình cứu hỏa

politistation

---

đồn cảnh sát

stat

---

tiểu bang

region

---

khu vực

hovedstad

---

thủ đô

Hospital

ulykke

\_\_\_\_\_

tai nạn

patient

\_\_\_\_\_

bệnh nhân

kirurgi

\_\_\_\_\_

phẫu thuật

pille

\_\_\_\_\_

viên thuốc

feber

\_\_\_\_\_

sốt

hoste

\_\_\_\_\_

ho

skadestue

\_\_\_\_\_

phòng cấp cứu

intensivafdeling

\_\_\_\_\_

khoa hồi sức tích cực

venteværelse

\_\_\_\_\_

phòng chờ

aspirin

\_\_\_\_\_

thuốc aspirin

sovepille

\_\_\_\_\_

thuốc ngủ

udløbsdato

\_\_\_\_\_

ngày hết hạn

dosis

liều lượng

hostesaft

si-rô ho

bivirkning

tác dụng phụ

insulin

insulin

pulver

bột

kapsel

viên nhộng

vitamin

vitamin

smertestillende medicin

thuốc giảm đau

antibiotikum

kháng sinh

bakterie

vi khuẩn

virus

vi rút

hjerteanfald

đau tim

diarre

tiêu chảy

sukkersyge

tiểu đường

slagtilfælde

đột quỵ

astma

hen suyễn

kræft

ung thư

influenza

cúm

tandpine

đau răng

solskoldning

cháy nắng

ondt i halsen

viêm họng

mavepine

đau bụng

infektion

nhiễm trùng

allergi

dị ứng

krampe

chuột rút

hovedpine

đau đầu

sprøjte  
værktøj

ống tiêm

krykke

nạng

røntgenbillede

chụp X quang

ultralydsmaskine

máy siêu âm

plaster

bó bột

kørestol

xe lăn

gips bandage

bó bột

puls

mạch

skade

chấn thương

nødsituation

cấp cứu

hjernerystelse

---

chấn động

forbrænding

---

vết bỏng

knoglebrud

---

gãy xương

P-pille

---

thuốc tránh thai

graviditetstest

---

thử thai

Jobs

læge

sygeplejerske

politimand

bác sĩ

y tá

cảnh sát

præsident

kaptajn

detektiv

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

pilot

professor

lærer

phi công

giáo sư

giáo viên

advokat

sekretær

assistent

luật sư

thư ký

trợ lý

dommer  
almen

---

thẩm phán

manager

---

quản lý

kok

---

đầu bếp

taxachauffør

---

tài xế taxi

buschauffør

---

tài xế xe buýt

model

---

người mẫu

kunstner

---

nghệ sĩ

statsminister

---

thủ tướng

farmaceut

---

dược sĩ

brandmand

---

lính cứu hỏa

tandlæge

---

nha sĩ

entreprenør

---

doanh nhân

politiker

chính trị gia

programmør

lập trình viên

stewardesse

tiếp viên hàng không

videnskabsmand

nhà khoa học

pædagog

giáo viên mầm non

arkitekt

kiến trúc sư

bogholder

kế toán viên

konsulent

tư vấn viên

anklager

công tố viên

administrerende direktør

tổng quản lý

livvagt

vệ sĩ

udlejer

chủ nhà

tjener

---

bồi bàn

sikkerhedsvagt

---

nhân viên bảo vệ

soldat

---

bộ đội

fisker

---

ngư dân

rengøringsassistent

---

nhân viên vệ sinh

blikkenslager

---

thợ sửa ống nước

elektriker

---

thợ điện

landmand

---

nông dân

receptionist

---

lễ tân

postbud

---

người đưa thư

kassedame

---

thu ngân

frisør

---

thợ làm tóc

forfatter

---

tác giả

journalist

---

nhà báo

fotograf

---

nhiếp ảnh gia

livredder

---

nhân viên cứu hộ

sanger

---

ca sĩ

musiker

---

nhạc sĩ

skuespiller

---

diễn viên

reporter

---

phóng viên

træner

---

huấn luyện viên

dommer  
sport

---

trọng tài

## Forretning

penge

---

tiền

kontor

---

văn phòng

stress

---

áp lực

forsikring

---

bảo hiểm

personale

---

nhân viên

afdeling

---

bộ phận

løn

---

lương

adresse

---

địa chỉ

brev

---

lá thư

telefonnummer

---

số điện thoại

webadresse

---

url

e-mailadresse

---

địa chỉ email

webside

trang mạng

e-mail

thư điện tử

underskrift

chữ ký

tab

thua lỗ

profit

lợi nhuận

kunde

khách hàng

beløb

số tiền

kreditkort

thẻ tín dụng

adgangskode

mật khẩu

pengeautomat

máy rút tiền

skat

thuế

mødelokale

phòng họp

visitkort

\_\_\_\_\_

đanh thiếp

IT

\_\_\_\_\_

công nghệ thông tin

personaleafdeling

\_\_\_\_\_

nhân sự

juridisk afdeling

\_\_\_\_\_

bộ phận pháp lý

regnskab

\_\_\_\_\_

kế toán

markedsføring

\_\_\_\_\_

tiếp thị

salg

\_\_\_\_\_

bán hàng

kollega

\_\_\_\_\_

đồng nghiệp

arbejdsgiver

\_\_\_\_\_

người sử dụng lao động

medarbejder

\_\_\_\_\_

nhân viên

notat

\_\_\_\_\_

chú thích

præsentation

\_\_\_\_\_

thuyết trình

mappe  
papir

bìa cứng

gummistempel

con dấu cao su

projektor

máy chiếu

pakke  
post

bưu kiện

frimærke

con tem

kuvert

phong bì

browser

trình duyệt

investering

đầu tư

børs

sàn giao dịch chứng khoán

pengeseddel

tiền giấy

mønt

tiền xu

rente

tiền lãi

lån

---

khoản vay

kontonummer

---

số tài khoản

bankkonto

---

tài khoản ngân hàng

## Tekniske apparater

telefon

điện thoại

fjernsyn  
apparat

bộ tivi

kamera

máy ảnh

radio

đài radio

ventilator

quạt

klimaanlæg

máy điều hòa

kaffemaskine

máy pha cà phê

brødrister

máy nướng bánh mì

støvsuger

máy hút bụi

hårtørrer

máy sấy tóc

kedel

ấm đun nước

opvaskemaskine

máy rửa chén

komfur

---

bếp điện

ovn

---

lò nướng

mikroovn

---

lò vi sóng

køleskab

---

tủ lạnh

vaskemaskine

---

máy giặt

fjernbetjening

---

điều khiển từ xa

høretelefon

---

tai nghe

mus  
computer

---

chuột

tastatur

---

bàn phím

harddisk

---

ổ cứng

USB stik

---

thanh USB

scanner

---

máy quét

printer

---

máy in

skærm

---

màn hình

bærbar

---

máy tính xách tay

robot

---

rô bốt

højtaler

---

loa

